

**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT H+**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT H+

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109749446

**3. Ngày thành lập:** 20/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Áp Tre Tổ 9, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986039436/0867136461

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                     | 8299        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                | 4610        |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc                                                                                                                    | 7110        |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                          | 7410(Chính) |
| 5.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)                                                                                                                             | 7020        |
| 6.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                          | 7120        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                           | 4211        |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                            | 4212        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                     | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                       | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                              | 4299        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 18. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                        | 8020        |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                 | 3320        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                   | 4322        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                      | 4649        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | 4759        |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                   | 4293        |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                  | 4311        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN HỮU HOAN \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *17/08/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *036084002347*  
Ngày cấp: *15/03/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
Địa chỉ thường trú: *Đội 3 Thôn Đông Thượng, Xã Trung Đông, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Đội 3 Thôn Đông Thượng, Xã Trung Đông, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội